

3 tr5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158./GPMT-UBND

Quận 1, ngày 06. tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4936/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1;

Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Tòa nhà PVFCCo Tower" thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần;

Theo ý kiến của Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Tòa nhà PVFCCo Tower" thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần tại biên bản khảo sát thực tế tại khu vực dự án và biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường của dự án ngày 15 tháng 05 năm 2023;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 23-888/PBHC-VPTCT ngày 28 tháng 04 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở "Tòa nhà PVFCCo Tower" của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần và hồ sơ kèm theo;

Xét ý kiến của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 502./TTr-TNMT ngày 01 tháng 6. năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần, tại địa chỉ 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần, địa chỉ tại 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Tòa nhà PVFCCo Tower", địa chỉ 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

nam

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Tòa nhà PVFCCo Tower”

1.2. Địa điểm hoạt động: 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động:

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0303165480 chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

- Tòa nhà PVFCCo Tower hoạt động tại 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 903370 ngày 13/06/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp với diện tích 1.756,2 m² với mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (nhà văn phòng).

1.4. Mã số thuế: 0303165480.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nhà văn phòng cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: cơ sở được thực hiện tại địa chỉ 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở gồm 3 tầng hầm, 12 tầng, tầng lửng và tầng kỹ thuật. Tổng diện tích sàn xây dựng: 15.772,27 m².

- Quy mô: Dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm III có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất hoạt động: Tối đa 01 ngày số lượng khách dự kiến đến giao dịch tại cơ sở khoảng 50 người cùng với 631 nhân viên làm việc thường xuyên tại cơ sở.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

Handwritten signature

2. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 06...tháng 6.. năm 2023 đến ngày 06...tháng 6. năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND Quận 1;
- Lưu: VT, MT (5).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Nguyễn Quang Vinh



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động của khách hàng.
- + Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động lau sàn.
- + Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động nấu ăn của khu vực căn tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống chung thành phố trên đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Vị trí xả nước thải: 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực TP.HCM 105°45', múi chiếu 3°): X(m): 1.192,917 ; Y(m): 603.470

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5 - 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	MPN/100ml	50		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt.

Nước mưa từ tầng mái được thu gom dẫn theo các ống nhựa PVC có đường kính Ø220 và Ø180 trước khi đầu vào ống thoát nước mưa chung của cơ sở PVC Ø220, chảy thoát ra 02 hố ga thoát nước chung của thành phố trên mặt đường Mạc Đĩnh Chi.

Nước mưa chảy tràn cũng được thu gom lọc rác và kết nối vào hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

–Nước thải từ nhà vệ sinh của nhân viên sẽ được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở bằng đường ống PVC D= 110mm. Nước thải từ bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất 40 m³/ngày.đêm bằng đường ống PVC D= 114mm.

–Nước thải có lẫn dầu thải từ hoạt động chế biến thức ăn sẽ được dẫn qua bồn tách dầu theo đường ống PVC D= 90 mm để tách lượng dầu mỡ trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 40 m³/ngày.đêm của cơ sở. Lượng dầu mỡ dư thừa được thu gom và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

→Toàn bộ nước thải được đưa vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, công suất 40 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1,0). Nước thải sau khi đã qua xử lý được thoát ra hệ thống thoát nước của Thành phố Hồ Chí Minh (hố ga nằm trên đường Mạc Đĩnh Chi có kích thước 800 x 800mm).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ:

haman

+ Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại cùng với nước thải từ khu căn tin (đã được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ) → Bể điều hòa → Bể bùn hoạt tính hiếu khí tăng trưởng dính bám cố định → Bể thiếu khí Anoxic → Bể lắng đứng đợt 2 → Bể tiếp xúc → Hồ ga thoát nước → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (k=1,0): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: NaHCO₃, NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Các hạng mục công trình đều được thiết kế có nắp đậy.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị và bảo dưỡng bảo trì định kỳ.
- Trang bị thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo sự hoạt động liên tục của hệ thống.
- Vận hành đúng theo hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế.
- Nhân viên vận hành xem xét, kiểm tra chất lượng nước đầu ra, kịp thời phát hiện những sự cố, nguyên nhân dẫn đến việc nước đầu ra chưa đạt Quy chuẩn để khắc phục nhanh chóng.
- Hút bùn định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom và xử lý nước thải đạt giới hạn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Handwritten signature

Phụ lục 2

**NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân Quận 1)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO vận hành máy phát điện dự phòng, công suất 1.400 KVA.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi từ ống khói nhà bếp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ 01 máy phát điện công suất 1.400 KVA (tọa độ X(m): 1.192.913; Y(m): 603.466)
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống khói nhà bếp (tọa độ X(m): 1.191.335; Y(m): 602.415)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO vận hành máy phát điện dự phòng (công suất 1.400 KVA), lưu lượng 2.500 m³/giờ. Tuy nhiên nguồn phát sinh này không liên tục, do cơ sở chỉ sử dụng máy phát điện khi có sự cố mất điện tại cơ sở.
- Khí thải từ ống khói nhà bếp, lưu lượng 7.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả cưỡng bức.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp = 1; Kv = 0,6, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp = 0,6, Kv = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	120	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	CO	mg/Nm ³	600		
3	SO ₂	mg/Nm ³	300		
4	NO _x	mg/Nm ³	510		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Handwritten signature

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải của máy phát điện theo ống dẫn được thoát ra ngoài tại miệng xả đặt tầng hầm B1.

Khí thải của khu vực nhà bếp theo ống dẫn được thoát ra ngoài tại miệng xả đặt tại tầng 5.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Máy phát điện dự phòng: Khí thải → quạt hút → Ống thoát khí.

+ Khu vực nhà bếp: Khí thải → chụp hút (phin lọc) → quạt hút → Ống thoát khí.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Handwritten signature

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ thang nâng ô tô.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống hút mùi của nhà bếp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở (tọa độ X(m): 1.192.943; Y(m): 603.486)
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng (tọa độ X(m): 1.192.913; Y(m): 603.466)
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải (tọa độ X(m): 1.192.908; Y(m): 603.471)
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ thang nâng ô tô (tọa độ X(m): 1.192.918; Y(m): 603.460)
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống hút mùi (tọa độ X(m): 1.192.915; Y(m): 603.469)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- + Chấp hành đúng thời gian hoạt động theo quy định.
- + Khu vực bếp được bố trí riêng biệt, không ảnh hưởng đến các khu vực phục vụ khác. Ngoài ra, sử dụng các thiết bị, máy móc hiện đại ít phát ra tiếng ồn.
- + Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

name

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:***1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên*

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn, Lỏng, Khí)	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	40
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	32
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	71
4	Bao bì cứng bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	41
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	1
6	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	1
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả vật liệu sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	1
8	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Rắn, lỏng	19 12 03	1
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	1
Tổng cộng				190

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: giấy văn phòng, bao nylon, thùng carton, giấy báo...	1.825

Handwritten signature

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt: + Các hợp chất có thành phần hữu cơ: thực phẩm, thức ăn thừa,... + Các hợp chất có thành phần vô cơ: vỏ hộp thải, vỏ lon và giấy,...	215.730

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

02 thùng chứa dung tích 600 lít và 08 thùng chứa dung tích 45 lít, cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE và có dán nhãn phân biệt.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: khu chứa 5 m² tại tầng hầm B3.
- Thiết kế, cấu tạo: tường gạch, kho riêng biệt, nền bê tông, có dán biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

02 thùng chứa dung tích 600 lít và 01 thùng chứa dung tích 240 lít, cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE và có dán nhãn phân biệt.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: khu chứa 5 m² tại phía sau tòa nhà
- Thiết kế, cấu tạo: có dán biển cảnh báo.
- Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 (Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

Handwritten signature

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình vận hành máy phát điện: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành máy phát điện, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố do thang máy: Hệ thống thang máy được bảo trì định kỳ, sử dụng đúng yêu cầu thiết kế, thể hiện thông tin liên hệ khẩn cấp và chuông báo động trong thang máy.



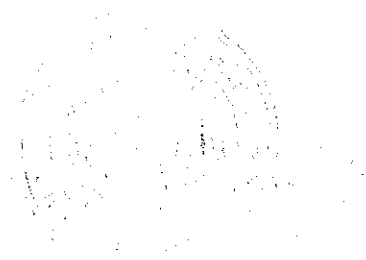
**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 158/GPMT-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 1)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan nhà nước kiểm tra.
6. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về kinh doanh, quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan; có trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai theo quy định.

Handwritten signature

200



Vertical line of text or markings along the right edge of the page.